

Biểu số: 11a/TP/LSTN

Ban hành theo Thông tư số 17/2025/TT-BTP

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC sơ bộ 6 tháng: Ngày 10 tháng 6 năm báo cáo

BC sơ bộ năm: Ngày 10 tháng 11 năm báo cáo

BC tròn năm: Ngày 10 tháng 01 năm sau

**SỐ LUẬT SƯ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

(Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Văn phòng Luật sư.../Công ty Luật...

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp...

Số luật sư hành nghề tại tổ chức (Người)		Số việc thực hiện xong (Việc)				Doanh thu (Đồng)	
Tổng số	Trong đó: Số luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Nộp thuế
			Số việc tố tụng	Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác	Số việc trợ giúp pháp lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

- *Cột (1), (2), (8) không báo cáo trong kỳ sơ bộ 6 tháng.*

* *Ghi chú:*

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 11b/TP/LSTN

Ban hành theo Thông tư số 17/2025/TT-BTP

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC sơ bộ 6 tháng: ngày 20 tháng 6 năm báo cáo

BC sơ bộ năm: Ngày 20 tháng 11 năm báo cáo

BC tròn năm: Ngày 20 tháng 01 năm sau

SỐ TỔ CHỨC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

(Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp ...

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

	Số luật sư hành nghề tại tổ chức (Người)		Số việc thực hiện xong (Việc)				Doanh thu (Đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Nộp thuế	
	Tổng số	Số việc tố tụng		Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác	Số việc trợ giúp pháp lý	Tổng số			
<i>A</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>
Tổng số									
I. Văn phòng Luật sư									
Văn phòng...									
...									
II. Công ty Luật									
Công ty...									
....									

- Cột (1), (2), (8) không báo cáo trong kỳ sơ bộ 6 tháng.

- Số liệu trong báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của/.....tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

- Số luật sư hành nghề với tư cách cá nhân đăng ký tại Sở Tư pháp là.....người.

- Số luật sư là thành viên của Đoàn luật sư địa phương theo quản lý của Sở Tư pháp làngười.

* Ghi chú:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 11a/TP/LSTN, 11b/TP/LSTN
(Số tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư)

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Biểu 11a/TP/LSTN phản ánh số luật sư và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong kỳ báo cáo (sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm) được sử dụng cho 02 đơn vị báo cáo, gồm: Văn phòng luật sư, Công ty luật và biểu này được gửi về Sở Tư pháp.

- Biểu 11b/TP/LSTN phản ánh số tổ chức và kết quả hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh/ thành phố trong kỳ báo cáo (sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm) được sử dụng cho đơn vị báo cáo là Sở Tư pháp và Biểu này được gửi về Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính).

- Tổ chức hành nghề luật sư (TCHNLS) được quy định tại Điều 32 luật Luật sư số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13 và Bộ luật số 101/2015/QH13 bao gồm Văn phòng luật sư và Công ty luật.

+ Văn phòng luật sư được quy định tại Điều 33 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13.

+ Công ty luật bao gồm công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn (TNHH), được thành lập theo quy định tại Điều 34 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13.

- Số luật sư hành nghề tại tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam là số luật sư làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư trong kỳ báo cáo bao gồm:

+ Số luật sư Việt Nam làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.

+ Số luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam.

- Luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam là những luật sư được tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam tuyển dụng vào làm việc tại tổ chức đó theo quy định tại Điều 74 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13.

- Số việc thực hiện xong là những việc được thực hiện xong trong kỳ báo cáo, gồm các việc đã thực hiện xong như sau:

+ Số việc tố tụng là những việc mà luật sư làm theo yêu cầu của khách hàng và theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 27 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13 và đã thực hiện xong, không bao gồm số việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

+ Số việc tư vấn pháp luật là số việc luật sư hướng dẫn, đưa ra ý kiến giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại Điều 28 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13 và đã thực hiện xong.

- Số việc dịch vụ pháp lý khác bao gồm số việc giúp đỡ khách hàng thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục hành chính, giúp đỡ pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại, dịch thuật, xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện các công việc theo quy định của pháp luật và đã thực hiện xong theo quy định tại Điều 30 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13.

- Số việc trợ giúp pháp lý bao gồm số lượng việc mà luật sư tham gia trợ giúp pháp lý cho các đối tượng chính sách xã hội, không nhận thù lao của đối tượng được trợ giúp và đã thực hiện xong, gồm các hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 31 Luật số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13, Bộ luật số 101/2015/QH13; không tính các vụ việc thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

- Doanh thu của TCHNLS là tổng số tiền thu được của TCHNLS (theo Luật doanh nghiệp).

- Số tiền nộp thuế của TCHNLS là số tiền thuế mà TCHNLS phải nộp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Cách ghi biểu

*** Biểu 11a, 11b:**

Số liệu từ cột 1 đến cột 8 bao gồm cả số liệu tại Chi nhánh/Văn phòng đại diện của TCHNLS (nếu có). Số liệu của các chi nhánh được tính cho TCHNLS, không phải liệt kê riêng tên của chi nhánh trong báo cáo. Trường hợp chi nhánh hoạt động tại địa

phương khác nơi đăng ký hoạt động của TCHNLS vẫn tính số liệu cho TCHNLS, Sở Tư pháp địa phương khác nơi chi nhánh hoạt động chỉ nhận báo cáo để biết và quản lý chứ không tổng hợp số liệu của chi nhánh đó vào biểu 11b/TP/LSTN.

- Cột 1: Ghi tổng số luật sư hành nghề tại tổ chức hành nghề luật sư.

- Cột 2: Ghi số luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức hành nghề luật sư. Số liệu tại cột 2 là một phần số liệu của cột 1 (cột $2 \leq$ cột 1).

Cột 1, 2, 8 chỉ báo cáo tại kỳ báo cáo năm (báo cáo năm và báo cáo năm chính thức), kỳ báo cáo 6 tháng không phải báo cáo (để trống ô số liệu).

- Cột 3 = Cột (4+5+6).

- Cột 4: Ghi số việc luật sư tham gia tố tụng trong tất cả các lĩnh vực.

*Riêng Biểu 11b/TP/LSTN: Sau khi rà soát, kiểm tra tính chính xác của số liệu, Sở Tư pháp tổng hợp chi tiết báo cáo của từng Văn phòng Luật sư/Công ty Luật vào các dòng tại các mục tương ứng và cộng dòng tổng từng mục, gồm: mục I (Văn phòng Luật sư) và mục II (Công ty Luật), Dòng Tổng số = mục I + mục II; đồng thời ghi chú về số liệu quản lý của Sở Tư pháp theo hướng dẫn trong biểu mẫu.

3. Nguồn số liệu

- Biểu 11a/TP/LSTN: TCHNLS tổng hợp số liệu từ sổ sách ghi chép ban đầu và hồ sơ vụ việc thực hiện tại tổ chức hành nghề luật sư và các chi nhánh (nếu có).

- Biểu 11b/TP/LSTN: Sở Tư pháp tổng hợp số liệu từ sổ sách, tài liệu theo dõi về tình hình đăng ký hoạt động luật sư tại Sở Tư pháp và tổng hợp từ biểu mẫu 11a/TP/LSTN của tổ chức hành nghề luật sư.